

**BIÊN BẢN KẾT QUẢ NIÊM YẾT CÔNG KHAI
THU CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2022**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Căn cứ vào Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc công bố công khai ngân sách xã quý 2 năm 2022 của UBND xã Cẩm Đoài;

Hôm nay, ngày 20 tháng 8 năm 2022. Tại Bộ phận một cửa của UBND xã Cẩm Đoài. Chúng tôi gồm có:

Ông Vũ Văn Hạnh

Chức vụ: Chủ tịch

Ông Phạm Văn Tiến

Chức vụ: Phó chủ tịch

Bà Vũ Thị Ngọc

Chức vụ: Tài chính - Kế toán

Ông Đỗ Văn Vững

Chức vụ: Công chức Văn phòng

Ông Vũ Đình Thanh

Chức vụ: Trưởng ban TTND

Tiến hành lập Biên bản về kết quả niêm yết công khai thu chi ngân sách xã quý 2 năm 2022.

Trong thời gian niêm yết từ ngày 20/7/2022 đến hết ngày 20/8/2022 ủy ban nhân dân xã Cẩm Đoài không nhận được ý kiến phản hồi nào.

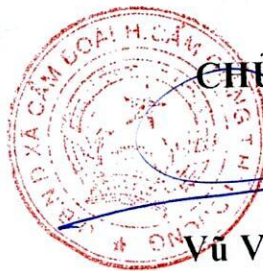
Kết luận: 100% ý kiến của CBCC, bán truyền trách, người lao động trong toàn ủy ban nhất trí với nội dung niêm yết công khai thu chi ngân sách xã quý 2 năm 2022.

Biên bản được lập thành 02 bản, Lưu tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người lập



Vũ Thị Ngọc



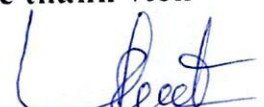
CHỦ TỊCH

Vũ Văn Hạnh

Các thành viên



Phạm Văn Tiến



Đỗ Văn Vững

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CẨM ĐOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: MM/QĐ-UBND

Cẩm Đoài, ngày 20 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai ngân sách xã quý 2 năm 2022.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM ĐOÀI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã Cẩm Đoài về việc phê chuẩn dự toán phân bổ ngân sách xã năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu -chi ngân sách xã quý 2 năm 2022 của UBND xã Cẩm Đoài. (kèm theo các các biểu mẫu).

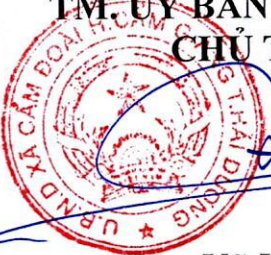
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Cẩm Đoài, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

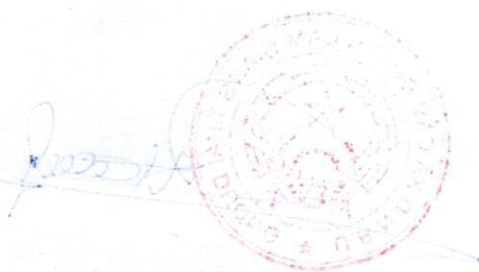
Nơi nhận:

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Hạnh



**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II
NĂM 2022**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Căn cứ vào Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc công bố công khai ngân sách xã quý 2 năm 2022 của UBND xã Cẩm Đoài;

Hôm nay ngày 01 tháng 7 năm 2021.

Tại Bộ phận một cửa của UBND Xã Cẩm Đoài.

Chúng tôi gồm có:

- | | |
|----------------------|--|
| 1. Ông Vũ Văn Hạnh | Chức vụ: Chủ tịch |
| 2. Ông Phạm Văn Tiến | Chức vụ: Phó chủ tịch |
| 3. Bà Vũ Thị Ngọc | Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán |
| 4. Ông Đỗ Văn Vững | Chức vụ: Công chức Văn phòng |
| 5. Ông Vũ Đình Thanh | Chức vụ: Trưởng ban TTND |

Tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai thu chi ngân sách xã quý 2 năm 2022.

(Kèm theo Biểu số 113/CKTC-NSNN; Biểu số 114/CKTC-NSNN; Biểu số 115/CKTC-NSNN)

Thời gian niêm yết: Từ ngày 01/7/2022 đến hết ngày 01/8/2022.

Biên bản được lập thành 02 bản, Lưu tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người có trách nhiệm niêm yết

Vũ Thị Ngọc

Vũ Đình Thanh



Vũ Văn Hạnh

Các thành viên

Đỗ Văn Vững

1



UBND Xã: Cẩm Đoài

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2022

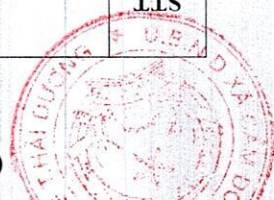
Biểu số 114/CK TC - NS

Đơn vị: đ

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	19.469.682.000	19.469.682.000		589.292.590		
I	Các khoản thu 100%	200.000.000	200.000.000		198.400.000		9
1	Phí, lệ phí	15.000.000	15.000.000		2.713.000		1
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	145.000.000	145.000.000		195.687.000		13
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	40.000.000	40.000.000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	15.120.100.000	15.120.100.000		390.892.590		
I	Các khoản thu phân chia	116.100.000	116.100.000		26.788.090		
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	14.000.000	14.000.000				
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	2.100.000	2.100.000				
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	100.000.000	100.000.000		26.788.090		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định	15.004.000.000	15.004.000.000		364.104.500		
2.1	Thu tiền sử dụng đất	15.000.000.000	15.000.000.000		364.984.500		
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	2.400.000	2.400.000		480.000		
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	1.600.000	1.600.000		(1.360.000)		(8)
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.149.582.000	4.149.582.000				
1	Thu bổ sung cân đối	2.589.878.000	2.589.878.000				
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.559.704.000	1.559.704.000				

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2022



STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	19.324.682.000	589.292.590	3,05
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	55.000.000	198.400.000	360,73
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	15.120.100.000	390.892.590	2,59
3	Thu bổ sung	4.149.582.000		
	- Bổ sung cân đối ngân sách	2.589.878.000		
	- Bổ sung cơ mức liên	1.559.704.000		
4	Thu chuyển nguồn			
II	TỔNG SỐ CHI	19.227.542.400	1.746.849.840	9,09
1	Chi đầu tư phát triển	15.000.000.000	260.313.750	1,74
2	Chi thường xuyên	4.227.542.400	1.486.536.090	35,16
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

Đơn vị: đồng

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2022

Đơn vị:

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 =
	TỔNG CHI	19.469.682.000	15.000.000.000	4.469.682.000	1.746.849.840	260.313.750	1.486.536.090	8,97	1,74	
	Trong đó:									
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội				194.272.080		194.272.080			
	Chi dân quân tự vệ				173.658.200		173.658.200			
	Chi trật tự an toàn xã hội				20.613.880		20.613.880			
1	Chi giáo dục	15.012.000.000	15.000.000.000	12.000.000	260.313.750	260.313.750		1,73	1,74	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	12.000.000		12.000.000						
4	Chi văn hóa, thông tin	39.000.000		39.000.000	24.997.000		24.997.000	64,09		
5	Chi phát thanh, truyền thanh	17.500.000		17.500.000						
6	Chi thể dục, thể thao									
7	Chi bảo vệ môi trường	19.500.000		19.500.000						
8	Chi các hoạt động kinh tế	24.050.000		24.050.000						
	Giao thông									
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
	Thị chính									
	Thương mại, du lịch									
	Các hoạt động kinh tế khác									
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.654.410.000		3.654.410.000	1.212.740.810		1.212.740.810	33,19		
10	Chi cho công tác xã hội	242.139.600		242.139.600	54.526.200		54.526.200	22,52		
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác									
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
	Trợ cấp xã hội									
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng				54.526.200		54.526.200			

[illegible]